

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2023/DS-PT

Ngày 27/02/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Nguyễn Xuân Trọng.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Phạm Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:* ông Phùng Ngọc
Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2022/TLPT-DS ngày 16
tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2023/QĐ-PT ngày
16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* chị Lưu Thị T, sinh năm 1983; trú tại: thôn K, xã Tr, huyện
L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

2.*Bị đơn:* anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1990; trú tại: thôn Ph, xã Tr,
huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* anh Triệu Văn Q, sinh năm
1981; trú tại: thôn K, xã Tr, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Người kháng cáo: chị Lưu Thị T - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên
đơn chị Lưu Thị T trình bày: Chị và anh A có mối quan hệ cùng làng, xã, quen
biết nhau. Anh A là người kinh doanh cây hoa lan tại xã Tr, huyện L. Từ tháng
02/2020 đến ngày 14/7/2020, chị mua cây hoa lan của anh A rất nhiều lần, những
lần mua lan từ tháng 02/2020 đến trước ngày 10/7/2020 chị đã thanh toán đủ tiền
và hai bên đã mua bán xong với nhau (các lần giao dịch giữa hai bên chỉ bằng
miệng, không có giấy tờ gì, chị không xác định được số lượng cây, giá giao dịch,
chủ yếu là trả bằng tiền mặt và không có giấy tờ giao nhận tiền). Từ ngày

10/7/2020 đến ngày 14/7/2020, chị có mua 05 lần cây hoa lan của anh A với tổng số tiền là 166.000.000đ tương đương là 166cm cây Lan (1.000.000đ/1cm cây), chị đã trả đủ tiền cho anh A (01 lần chuyển khoản ngày 13/7/2020 trả anh A 12.000.000đ từ tài khoản của chồng chị là anh Triệu Văn Q đến tài khoản Ngân hàng MB của anh A; 04 lần trả tiền mặt cho anh A: 1 lần 50 triệu đồng trả tại nhà anh A có mẹ anh A chứng kiến ngày 10/7, 1 lần 30 triệu đồng trả tại nhà anh A có mẹ anh A chứng kiến ngày 11/7, 1 lần 20 triệu đồng trả tại nhà anh A có mẹ anh A chứng kiến ngày 12/7, 01 lần 54 triệu đồng trả anh A tại nhà chị ngày 14/7). Các lần giao tiền mặt các bên không lập biên bản, giấy tờ gì; việc mua bán Lan giữa hai bên cũng không có văn bản, giấy tờ gì thể hiện.

Khi mua bán hai bên chỉ cam kết và thỏa thuận miệng với nhau là anh A bán đúng chủng loại Lan 5 cánh trắng Phú Thọ đột biến gen cho chị, nếu sai anh A sẽ phải lấy lại cây và trả lại tiền cho chị. Sau đó chị trả đủ tiền và anh A giao đủ cây cho chị. Số cây lan mua từ anh A chị mang đi bán cho khách hàng, sau đó khách hàng thẩm định và trả lại số cây hoa chị mua của anh A với lý do đó không phải là loại Lan 5 cánh trắng Phú Thọ, đột biến gen. Chị không xác định được họ tên, địa chỉ của khách hàng mua cây lan, chị chỉ biết người đó ở bên Phú Thọ. Do vậy, chị không cung cấp được họ tên, địa chỉ của người này theo yêu cầu của Tòa án.

Đến ngày 16/7/2020, chị liên hệ và yêu cầu anh A lấy lại số cây lan đó và trả lại số tiền 166.000.000đ cho chị, anh A đồng ý nhưng anh A không có tiền trả ngay nên đã viết bản cam kết với nội dung: anh A mang cây hoa lan về để bán và sẽ trả chị số tiền 166.000.000đ. Trong bản cam kết ngày 16/7/2020 anh A viết tên chị là chị T lí do vì nick Facebook của chị là TM (lấy tên chị và con gái chị). Sau khi viết bản cam kết do anh A không có tiền để trả ngay nên chị yêu cầu anh A để lại chiếc xe máy SH của anh làm tin cho chị để đến tối ngày 16/7/2020 anh A đưa cho chị 100.000.000đ, chị lấy tiền trả trước cho người khác. Từ đó cho đến nay anh A chưa trả cho chị số tiền 166.000.000đ.

Đến chiều ngày 16/7/2020, chị có làm đơn đến Công an xã Tr với nội dung tố cáo anh A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị và cũng báo luôn với Công an là chị có giữ xe máy của anh A nên Công an xã đến thu về. Sau đó chị có làm đơn đến Công an huyện L, nhưng hai bên vẫn không thống nhất được với nhau và Công an huyện L đã có văn bản trả lời vụ việc mua bán không có dấu hiệu tội phạm.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh A trả cho chị số tiền 166.000.000đ, chị yêu cầu tính lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật từ ngày 16/7/2020 cho đến khi anh A trả nợ hết cho chị.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn A trình bày: Về mối quan hệ như chị T trình bày là đúng. Từ trước đến khi chị T khởi kiện thì giữa hai bên không có mâu thuẫn gì. Anh là người kinh doanh mua bán cây hoa lan tại xã Tr. Từ tháng 02/2020 đến ngày 15/7/2020 chị T có mua cây hoa lan của anh nhiều lần, có

những lần chị T mua 2.000.000đ, 4.000.000đ và ngày 15/7/2020 chị T mua 89cm lan 5 cánh trắng Phú Thọ với giá 89.000.000đ là lần cuối cùng anh bán cây hoa lan cho chị T. Anh không xác định được trong thời gian đó anh bán bao nhiêu cây hoa lan cho chị T với tổng số tiền là bao nhiêu vì hai bên mua bán với nhau rất nhiều lần và chỉ thỏa thuận miệng, không có văn bản, giấy tờ gì. Phương thức thanh toán tiền giữa anh với chị T có lúc là chị T trả tiền mặt, có lúc thì chuyển khoản cho anh. Anh xác định số tài khoản của mình là 3550121482003 Nguyễn Văn A tại Ngân hàng MB và lần cuối cùng chị T chuyển khoản 12.000.000đ vào số tài khoản của anh từ tài khoản của anh Triệu Văn Q. Anh xác định số tiền này là tiền giao dịch của đợt mua bán cây lan trước đó, không liên quan gì đến việc mua cây lan của đợt từ 10/7 đến 15/7/2020 như chị T trình bày. Nếu chị T cho rằng 12.000.000đ này là tiền của đợt giao dịch mua bán cây lan từ 10/7 đến 15/7/2020 thì anh đề nghị chị cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Còn việc chị T trình bày là từ ngày 10/7/2020 đến ngày 15/7/2020 chị T mua của anh 05 lần cây lan với tổng số tiền là 166.000.000đ tương đương 166cm lan là không đúng. Ngày 15/7/2020, chị T đến nhà anh mua 89cm lan 5 cánh trắng Phú Thọ với giá 89.000.000đ, (do gần nhà nhau có quen biết nên anh không yêu cầu chị T trả tiền ngay hoặc đặt cọc gì, chị T mang lan về bán khoảng 1 tuần đến 2 tuần sau nếu bán được sẽ trả cho anh tiền). Trưa ngày 16/7/2020, chị T gọi điện cho anh bảo anh đến nhà chị lấy số tiền 89.000.000đ do chị bận con nhỏ, không đến nhà anh trả trực tiếp được. Khi anh đến nơi thì vào nhà chị T uống nước nói chuyện, khi đó nhà chị T có 04 người là vợ chồng chị T, anh trai chị T và 01 người phụ nữ nữa, vợ chồng chị T nói anh bán sai cây yêu cầu anh lấy lại cây và trả tiền cho họ, anh đồng ý nhận lại cây và trả lại tiền nhưng chị T không trả cây lại cho anh ngay lúc đó được vì cây mua của anh thì chị T cũng đã bán, còn lô 89cm mua ngày 15/7/2020 thì anh đồng ý cầm về vì chị T chưa bán đi được nhưng lô này chị T chưa trả tiền nên anh mang cây về. Sau đó 04 người nhà chị T ép buộc anh viết bản cam kết, họ đọc cho anh viết, khi đó anh chỉ có 01 mình nên buộc phải viết theo ý họ. Sau khi viết xong họ giữ xe máy của anh, anh mang lô 89cm 5 cánh trắng Phú Thọ gọi mẹ đẻ anh là bà Lê Thị H đến đón về, sau đó hai mẹ con anh đến trình báo Công an xã Tr. Công an xã đã báo gọi hai bên đến giải quyết rất nhiều lần và anh được Công an xã giao trả lại xe.

Ngày 16/7/2020, chị T có quay lại video hình ảnh anh mang 01 rổ xanh trong đó là các ki lan, nhưng không phải là 166cm như chị T yêu cầu mà thực tế trong rổ là 89cm Lan 5 cánh trắng Phú Thọ chị T đã chuẩn bị trước để anh mang về và lô 89cm này chị T chưa thanh toán tiền cho anh. Anh A khẳng định giọng nói trong USB mà chị T cung cấp cho Tòa án là giọng nói của anh. Tuy nhiên, nội dung xảy ra việc cãi nhau ngày 16/7/2020 giữa anh và vợ chồng chị T không

có thỏa thuận hay nội dung nào đề cập đến việc giao dịch 166cm cây lan như chị T trình bày.

Sau đó chị T làm đơn đến Công an xã Tr và Công an huyện L đề nghị giải quyết nhưng hai bên vẫn không thống nhất được với nhau. Nay chị T khởi kiện yêu cầu anh trả lại số tiền 166.000.000đ anh không đồng ý vì số tiền này không có thật và chị T cũng chưa hề trả lại cây hoa lan nào cho anh ngoài 89cm 5 cánh trắng Phú Thọ mà chị T chưa trả tiền. Anh xác định đến nay giữa anh và chị T không còn nợ gì nhau, nhưng do thị trường kinh doanh buôn bán cây lan gặp nhiều rủi ro, thua lỗ, gia đình chị T cũng khó khăn nên anh tự nguyện hỗ trợ cho chị T 30.000.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Triệu Văn Q trình bày: Anh là chồng của chị T. Anh không tham gia giao dịch mua bán lan với anh A, mọi việc mua bán trao đổi đều do chị T trực tiếp giao dịch với anh A. Anh có chứng kiến sự việc xảy ra ngày 16/7/2020 giữa chị T và anh A, nội dung như chị T trình bày là đúng. Thời điểm đó, vợ chồng anh có yêu cầu anh A thanh toán trước 100.000.000đ nhưng anh A trình bày không có tiền, không hẹn ngày nào trả tiền nên anh có yêu cầu anh A để lại chiếc xe máy làm tin, anh A đồng ý. Các lần chị T chuyển khoản cho anh A, chị T sử dụng tài khoản của anh để chuyển khoản và trực tiếp là người chuyển khoản. Nguồn tiền chị T sử dụng vào việc mua bán lan với anh A là của vợ chồng anh. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lưu Thị T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn A trả lại số tiền 166.000.000đ.

Xác nhận sự tự nguyện của anh A hỗ trợ chị T 30.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2022, chị Lưu Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc anh Nguyễn Văn A phải trả cho chị số tiền 166.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: chị Lưu Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và chỉ đề nghị anh A có trách nhiệm trả 166.000.000đ, không yêu cầu trả lãi của số tiền trên. Anh T1, chị T đều xác định nguồn tiền mua lan là của hai vợ chồng nên đề nghị anh A có nghĩa vụ trả cho hai vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Tòa án phúc thẩm đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của chị Lưu Thị T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị Lưu Thị T trong hạn luật định, nộp tạm ứng án phí đúng quy định nên cần được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận từ tháng 02/2020 đến ngày 15/7/2020 các bên thường xuyên giao dịch mua bán cây lan với nhau (chị T mua của anh A, rồi về bán cho các khách hàng khác), đối tượng mua bán là cây hoa lan dạng đột biến gen, việc mua bán đều thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản. Đến ngày 16/7/2020 các bên xảy ra tranh chấp, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh A bán cho chị T không đúng loại lan như đã cam kết với giá 166.000.000đ khiến chị T không bán được hàng. Chị T yêu cầu anh A lấy lại số cây lan anh đã bán cho chị và yêu cầu anh A trả lại số tiền 166.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm chị T đều khẳng định đã trả cho anh A số cây lan không đúng chủng loại mà chị đã mua của anh A, chứng cứ chứng minh việc trả lại cây lan là đoạn video do gia đình chị T quay ngày 16/7/2020 và cung cấp. Anh A thừa nhận có việc anh nhận lại cây lan từ chị T nhưng không phải lô 166cm lan như chị T yêu cầu mà là lô 89cm chị T mua của anh nhưng chưa trả tiền. Lời trình bày của các đương sự về việc trả lại cây lan là mâu thuẫn nhau và chứng cứ duy nhất để xác định giữa chị T và anh A có giao dịch mua bán 166cm cây lan trong khoảng thời gian từ ngày 10/15/7/2020 là bản cam kết do anh A viết ngày 16/7/2020, có nội dung : “...Hôm nay 16/7/2020 do ngày 15/07/2020 tôi có bán cho chị Lưu Thị T địa chỉ khu ủy ban xã Tr- Lập Thạch – Vĩnh Phúc 1 lô 5 cánh trắng Phú Thọ và chị bán đi cho các mối hàng chị TM. Số lượng cây và tiền giao dịch từ ngày mùng 10 tới ngày 17/7/2020. Hôm nay chị T có trả cho tôi số cây quy ra tiền là 166.000.000 VNĐ (một trăm sáu sáu triệu đồng chẵn) nhờ tôi tìm mối bán giúp để hoàn lại tiền cho chị T. Tôi đồng ý bán số cây này đi để lấy lại tiền và gửi lại chị T. Tôi xin cam kết tất cả thông tin trên là sự thật”. Bản

cam kết thể hiện nội dung anh A có bán cây lan cho chị T và chị T đã trả lại số cây này cho anh A tính ra giá trị là 166.000.000đ. Tên “chị T” trong bản cam kết là tên Facebook của chị T là “ TM ” nên anh A dùng tên này để viết trong bản cam kết. Anh A và chị T đều xác định anh A viết bản cam kết này, anh A cho rằng anh bị ép buộc viết bản cam kết, nhưng anh A không đưa ra được chứng cứ nào thể hiện anh A bị ép buộc. Các lời khai tại Công an huyện L và tại phiên tòa phúc thẩm anh A khẳng định trong quá trình viết giấy cam kết tại gia đình chị T anh không bị ai đánh đập gì. Mặt khác, sau khi anh A viết giấy cam kết và theo yêu cầu của gia đình chị T anh A để lại xe mô tô, cùng ngày 16/7/2020 chị T làm đơn đến công an xã Tr đề nghị giải quyết tranh chấp về việc chị và anh A mua bán cây hoa lan, trong đơn có thể hiện nội dung chị đề nghị anh A để lại chiếc xe mô tô để làm tin. Quá trình giải quyết ở Công an xã Tr anh A đã lấy xe, nhưng anh A không tố cáo về hành vi bị ép buộc viết giấy cam kết. Sau đó, chị T tiếp tục tố cáo anh A đến Công an huyện L, trong quá trình giải quyết đơn tố cáo của chị T tại Công an huyện L cũng như các thời gian tiếp theo anh A cũng không tố cáo việc bị ép viết giấy cam kết. Như vậy, việc anh A xác định anh bị ép buộc viết bản cam kết ngày 16/7/2020 là không có cơ sở.

Trong bản cam kết anh A đã viết : “...Hôm nay chị T có trả cho tôi số cây quy ra tiền là 166.000.000 VNĐ (một trăm sáu sáu triệu đồng chẵn) nhờ tôi tìm mối bán giúp để hoàn lại tiền cho chị T. Tôi đồng ý bán số cây này đi để lấy lại tiền và gửi lại chị T...”. Các chứng cứ thu thập được và nội dung bản cam kết có cơ sở để khẳng định anh A đã nhận lại số cây lan 166cm. Theo nội dung bản cam kết anh A nhận bán hộ để hoàn lại tiền cho chị T, nhưng sau khi nhận lại 166cm cây lan và viết bản cam kết không xác định được anh A đã bán số cây lan đã nhận lại như thế nào, nhưng sau khi nhận lại số cây lan, không có chứng cứ về việc anh A trả lại cây lan cho chị T. Quá trình giải quyết tại Công an huyện L cả anh A và chị T đều không giao nộp được số cây lan anh A đã nhận lại. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh A xác định không còn số lan đó. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T có căn cứ chấp nhận. Cần buộc anh A thực hiện nghĩa vụ đã cam kết là trả cho chị T 166.000.000đ trị giá số cây lan mà anh viết trong bản cam kết. Việc mua bán cây lan chỉ có anh A và chị T trực tiếp giao dịch, nhưng nguồn tiền mua cây lan là của chung vợ chồng chị T và anh T1. Nên xác định bản cam kết ngày 16/7/2020 anh A chưa thực hiện nghĩa vụ trả lại cho chị T và anh T1 166.000.000đ.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có căn cứ chấp nhận. Cần sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc anh A thực hiện nghĩa vụ trả cho chị T, anh T1 là 166.000.000đ. Do tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được số tiền phải trả và lãi chậm trả nên đương sự có nghĩa vụ phải chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

[3]. Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;
Chấp nhận kháng cáo của chị Lưu Thị T; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.Căn cứ Điều 430, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị T: Buộc anh Nguyễn Văn A thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Lưu Thị T và anh Triệu Văn Q trị giá 166cm cây hoa lan là 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

3.1.Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Hoàn trả chị Lưu Thị T 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006105 ngày 13/12/2021.

3.2.Án phí dân sự phúc thẩm: chị Lưu Thị T không phải chịu được trả lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số: 0006419 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc